

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Bình
2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Cát P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 90K đường Trần Phong Sắc, Phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông **Trần Văn T1**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 144 Ấp 2, xã M, huyện Th, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Ô, xã P1, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1977; HKTT: Ấp Ô, xã P1, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ liên hệ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ông T1 có mặt; ông T2, bà G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Cát P: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lê Cát P do ông Trần Văn T1 trình bày: Do quen biết nên ông P có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị G vay 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02/3/2021, ông T2 và bà G vay ông P số tiền là 1.500.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/6/2021, ông T2 và bà G mượn ông P số tiền là 500.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 28/6/2021, ông T2 và bà G tiếp tục mượn ông P số tiền là 2.204.500.000 đồng.

Tất cả 03 lần trên đều có biên nhận ông Nguyễn Văn T2 ký tên bên dưới. Mục đích ông T2, bà G vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay mỗi lần là 01 tuần. Tổng số tiền mà vợ chồng ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị G đã vay của ông P là 4.204.500.000 đồng. Ông P đã yêu cầu ông T2, bà G trả nhiều lần nhưng ông T2, bà G vẫn chưa trả cho ông P được phần tiền nào.

Mặc dù, trong giấy nợ chỉ có chữ ký của ông T2, nhưng việc ông T2 vay tiền là dùng vào mục đích đáo hạn ngân hàng, làm ăn kinh tế chung của gia đình nên bà G, ông T2 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho ông P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P xác định ông P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G cùng liên đới trả số tiền nợ gốc là 4.204.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị G: Ông T2 và bà G đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T2, bà G vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cát P. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Thanh Hoá nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông T2, bà G: Ông T2, bà G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T2, bà G.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Lê Cát P yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G liên đới trả số tiền nợ 4.204.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ông P khởi kiện và cung cấp 03 giấy nợ do ông T2 ký tên và ghi rõ họ tên, cụ thể: ngày 02/3/2021 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, ngày 26/6/2021 vay số tiền 500.000 đồng, ngày 28/6/2021 vay số tiền 2.204.500.000 đồng. Đồng thời, ngày 15/4/2022 bà G có ký tên vào giấy cam kết trả số tiền nợ nêu trên cho ông P. Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông T2 và bà G là vợ chồng nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc ông T2, bà G phải có trách nhiệm cùng liên đới trả tiền cho ông P.

Từ những nhận định trên, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cát P đối với ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G. Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Cát P số tiền 4.204.500.000 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Người đại diện theo ủy quyền của ông P yêu cầu ông T2, bà G trả một lần số tiền trên trong thời hạn 01 tháng. Ông T2, bà G vắng mặt không có ý kiến trình bày. Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Về án phí: Ông Lê Cát P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G phải liên đới chịu số tiền 112.204.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cát P đối với ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Cát P số tiền 4.204.500.000 đồng (bốn tỷ hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị G phải liên đới chịu số tiền 112.204.500 đồng (một trăm mười hai triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Lê Cát P không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông P số tiền 56.102.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm lẻ hai nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010938 ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T2, bà G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật